Chi tiết mã HS 4805.50.00

Mã HS	4805.50.00
Mô tả hàng hóa	Giấy và bìa không tráng khác, ở dạng cuộn hoặc tờ, chưa được gia công hoặc xử lý hơn mức đã chi tiết trong Chú giải 3 của Chương này / - Giấy nỉ và bìa nỉ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:55:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48055000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7508
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7508
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7508
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, CN)	0% (trừ KH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	6,9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7220
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7175
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7175
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7175
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7175
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7175
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7175
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7225
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7225
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7225

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7225
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7225
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7225
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7226
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7226
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7226
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7226
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7226
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7226
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7227
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7181
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7183
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7183
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7183
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7183
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7183
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7183
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7211
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7211
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7211
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7211
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7211
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7211
VCFTA	2022	2022	2	VC!D7257
VCFTA	2023	2023	1	VC!E7257
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7257

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7257
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7257
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7257
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7237
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7237
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7237
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7237
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7237
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7237
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7246
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7246
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7246
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7246
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7246
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7246
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D7238
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E7238
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F7238
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7238
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7238
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7238
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D7239
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E7239
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F7239
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7239
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7239

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7239
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7205
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7205
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7205
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7205
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7205
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7205
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7205
RCEP A	2022	2022	9,3	RCEPT-A!D7240
RCEP A	2023	2023	8,7	RCEPT-A!E7240
RCEP A	2024	2024	8	RCEPT-A!F7240
RCEP A	2025	2025	7,3	RCEPT-A!G7240
RCEP A	2026	2026	6,7	RCEPT-A!H7240
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I7240
RCEP B	2022	2022	9,3	B!D7240
RCEP B	2023	2023	8,7	B!E7240
RCEP B	2024	2024	8	B!F7240
RCEP B	2025	2025	7,3	B!G7240
RCEP B	2026	2026	6,7	B!H7240
RCEP B	2027	2027	6	B!I7240
RCEP C	2022	2022	*	C!D7240
RCEP C	2023	2023	*	C!E7240
RCEP C	2024	2024	*	C!F7240
RCEP C	2025	2025	*	C!G7240
RCEP C	2026	2026	*	C!H7240
RCEP C	2027	2027	*	C!I7240

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,4	D!D7240
RCEP D	2023	2023	8,8	D!E7240
RCEP D	2024	2024	8,1	D!F7240
RCEP D	2025	2025	7,5	D!G7240
RCEP D	2026	2026	6,9	D!H7240
RCEP D	2027	2027	6,3	D!I7240
RCEP E	2022	2022	9,3	E!D7243
RCEP E	2023	2023	8,7	E!E7243
RCEP E	2024	2024	8	E!F7243
RCEP E	2025	2025	7,3	E!G7243
RCEP E	2026	2026	6,7	E!H7243
RCEP E	2027	2027	6	E!I7243
RCEP F	2022	2022	9,3	F!D7240
RCEP F	2023	2023	8,7	F!E7240
RCEP F	2024	2024	8	F!F7240
RCEP F	2025	2025	7,3	F!G7240
RCEP F	2026	2026	6,7	F!H7240
RCEP F	2027	2027	6	F!I7240
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F6699
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G6699
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H6699
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I6699

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4805.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 4805.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7508), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.